

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LT1
TỈNH BN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47 /2019/HS - ST
Ngày: 17-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LT1, TỈNH BN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Quang Chiến

Ông Hồ Thế Việt

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Đình Giáp - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT1 tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Hoàn – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LT1, Tòa án nhân dân huyện LT1 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2019/TLST – HS ngày 02 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXXST – HS ngày 02 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ D, Sinh năm: 1961

HKTT: Thôn NK, xã LT, huyện LT1, tỉnh BN; Nghề nghiệp: Hưu trí; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phan Văn Nội và bà Nguyễn Thị Quyển (đã chết); Có chồng: Hoàng Trọng Thao và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 18/7/2019 đến ngày 26/7/2019 được tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 10 phút ngày 18/7/2019, Nguyễn Thị D đang ở nhà tại thôn NK, xã LT, huyện LT1, tỉnh BN thì có Vũ Văn Vượng, sinh năm 1988 ở thôn

Ngọc Trì, xã Bình Định, huyện LT1, tỉnh BN đi bộ đến nhà D để mua ma túy, thấy D đứng ở ngoài sân, Vượng hỏi ông Thao (chồng D) có nhà không để Vượng mua ma túy, nghe Vượng nói vậy thì D nói “để tao bán cho”. Sau đó D đi vào trong nhà lấy trong túi áo của D treo ở trên đầu giường hai gói ma túy mang ra ngoài sân đưa cho Vượng, Vượng cầm hai gói ma túy đút vào túi quần phía trước bên phải Vượng đang mặc và trả cho D 200.000 đồng, D cầm tiền Vượng đưa cho ở lòng bàn tay phải. Đúng lúc đó thì lực lượng Công an huyện LT1 phối hợp với Công an xã LT phát hiện, bắt quả tang D và Vượng về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Thu giữ tại túi quần phía trước bên phải của Vượng đang mặc hai gói nhỏ bọc ngoài bằng giấy bạc màu trắng bên trong có chứa chất bột màu trắng. Vượng khai nhận đó là hai gói ma túy Hêroin Vượng vừa mua được của D. Kiểm tra thu giữ tại tay phải của D 200.000 đồng, D khai nhận đó là số tiền vừa bán ma túy cho Vượng mà có được. Nguồn gốc số ma túy trên, theo D khai do D nhặt được khi đang quét sân nhà từ hôm trước, D không biết hai gói ma túy trên là của ai. Ông Hoàng Trọng Thao chồng của D là đối tượng nghiện ma túy cũng không biết gói ma túy D bán cho Vượng là của ai.

Tại bản kết luận giám định số: 552/KLGĐMT-PC09 ngày 18/7/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh BN kết luận: Chất bột màu trắng bên trong hai gói nhỏ bọc ngoài bằng giấy màu trắng có khối lượng là 0,0385 gam (chất Hêroine)

Tại bản cáo trạng số: 44/CT- VKS -LT ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện LT1 đã truy tố Nguyễn Thị D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT1 giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, căn cứ vào nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Nguyễn Thị D phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”;

Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điểm s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Thị D từ 15 đến 21 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Đề nghị HĐXX Tịch thu tiêu hủy vũ dụng mẩu vật và 0,0176 gam mẩu vật còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì thư có chữ ký của giám định viên và có dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh BN, hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện LT1 quản lý. Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 200.000 đồng.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội : Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không tranh luận gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát không tranh luận gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị D đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 10 giờ 10 phút ngày 18/7/2019, tại nhà ở của mình ở thôn NK, xã LT, huyện LT1 Nguyễn Thị D đang có hành vi bán trái phép 02 gói ma túy Heroine có khối lượng 0,0385 gam cho Vũ Văn Vượng với giá 200.000 đồng thì bị tổ công tác Công an huyện LT1 phối hợp với Công an xã LT, phát hiện bắt quả tang. Do đó đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội “Mua bán trái

phép chất ma túy”. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị truy tố, xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến khách thể được luật hình sự bảo vệ, đó là chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Chỉ vì mục đích tư lợi cá nhân mà bị cáo sẵn sàng bán ma túy để kiếm lời. Trước khi nghỉ hưu bị cáo là giáo viên, lẽ ra bị cáo phải là người tuyên truyền, phổ biến tác hại của ma túy đối với quần chúng nhân dân; bản thân bị cáo cũng có chồng là con nghiện, hơn ai hết bị cáo hiểu rất rõ tác hại của ma túy đối với gia đình, xã hội. Vậy mà bị cáo lại tiếp tay cho các con nghiện sử dụng ma túy, làm cho tệ nạn ma túy có cơ hội lan rộng. Hành vi của bị cáo không những gây hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân mà còn là nguyên nhân phát sinh ra các loại tội phạm khác. Xét thấy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng luật hình sự, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu; tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của bản thân, lượng ma túy mua bán ít, chỉ vì tiếc của mà bị cáo nhất thời phạm tội. Trong thời gian tham gia công tác trong ngành giáo dục bị cáo là người có thành tích xuất sắc trong công tác, nhiều năm liên được công nhận chiến sỹ thi đua cơ sở, đạt danh hiệu “giỏi việc nước, đảm việc nhà” và được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục”. Bị cáo có mẹ đẻ là người có công với cách mạng, vợ chồng bị cáo đang trực tiếp thờ cúng liệt sỹ Hoàng Đăng Sùng là ông nội chồng bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s,v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, xét thấy có thể áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cũng đủ giúp bị cáo có thời gian cải tạo, tu dưỡng trở thành công dân tốt cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, lẽ ra phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, xét thấy bị cáo mua bán lượng ma túy ít, hoàn cảnh

gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo có chồng nghiện ma túy nhiều năm liền kinh tế suy kiệt nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

Về vật chứng của vụ án: Đối với số ma túy còn lại sau giám định là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 200.000đ xác định là số tiền do phạm tội mà có vì vậy tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với Vũ Văn Vượng do bị nghiện ma túy nên đã có hành vi mua 0,0385 gam ma túy, loại ma túy chất Heroine để sử dụng cho bản thân, do lượng ma túy Vượng tàng trữ ở thể rắn có trọng lượng dưới 01 gam nên hành vi của Vượng không cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bản thân Vượng chưa có tiền án, tiền sự về các tội liên quan đến ma túy nên Công an huyện LT1 đã ra quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với Vượng về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là phù hợp.

Đối với Hoàng Trọng Thao (chồng của D) là đối tượng nghiện ma túy nhưng Thao không biết số ma túy mà D bán cho Vượng là của ai. Khi D bán ma túy cho Vượng, Thao không tham gia bán cùng nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự đối với Thao.

Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điểm s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Thị D 16 (mười sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án (trừ cho bị cáo thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 18/7/2019 đến ngày 26/7/2019).

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy vỏ đựng mẫu vật và 0,0176 gam Hêroine. Được niêm phong trong phong bì thư có chữ ký của giám định viên và có

dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh BN. Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 200.000 đồng.

Toàn bộ vật chứng nêu trên được mô tả theo đúng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 07 tháng 10 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LT1.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội : Buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Bị cáo Nguyễn Thị D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện LT1;
- VKSND tỉnh BN;
- THA huyện LT1 (khi án có hiệu lực);
- TAND tỉnh BN (Phòng GDKT);
- Bị cáo;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hoan